

Số tham chiếu: 60829147/14473258

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội ("Ngân hàng") và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đi kèm như được trình bày từ trang 5 đến trang 62 ("các báo cáo tài chính hợp nhất"). Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.




Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 02 năm 2011



Nguyễn Chí Cường
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 1103/KTV

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	201.671	139.081
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	5	505.232	920.132
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	6	11.636.741	6.357.324
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	6.1	11.636.741	6.357.324
Cho vay các TCTD khác		-	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
Chứng khoán kinh doanh	7	98.829	16.500
Chứng khoán kinh doanh		99.512	16.500
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(683)	-
Các công cụ TC phái sinh và các tài sản TC khác	8	-	3.663
Cho vay khách hàng		24.103.032	12.701.664
Cho vay khách hàng	9	24.375.588	12.828.748
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(272.556)	(127.084)
Chứng khoán đầu tư	11	8.767.942	4.865.643
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	7.481.361	3.335.951
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.2	1.300.000	1.540.500
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(13.419)	(10.808)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	333.389	269.799
Đầu tư vào công ty con		-	-
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		333.389	269.799
Đầu tư dài hạn khác		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
Tài sản cố định	13	1.526.154	853.627
Tài sản cố định hữu hình	13.1	126.554	126.040
Nguyên giá tài sản cố định		176.765	159.197
Hao mòn tài sản cố định		(50.211)	(33.157)
Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
Tài sản cố định vô hình	13.2	1.399.600	727.587
Nguyên giá tài sản cố định		1.406.366	729.942
Hao mòn tài sản cố định		(6.766)	(2.355)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản Có khác	14	3.859.871	1.341.764
Các khoản phải thu và chi phí XDCB dở dang		2.030.462	419.678
Các khoản lãi, phí phải thu		957.083	307.391
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản Có khác	14.3	872.326	615.415
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	(720)
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN		51.032.861	27.469.197

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 45 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>	<i>31/12/2009 triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	15	903.716	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	16	13.271.539	9.943.404
Tiền gửi của các TCTD khác	16.1	13.271.539	9.943.404
Vay các TCTD khác		-	-
Tiền gửi của khách hàng	17	25.633.644	14.672.147
Các công cụ TC phái sinh và các công nợ TC khác	8	2.900	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	18	380.398	31.884
Phát hành giấy tờ có giá	19	5.745.356	-
Các khoản nợ khác		912.094	404.717
Các khoản lãi, phí phải trả		685.020	171.248
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	20	219.144	229.910
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	10	7.930	3.559
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		46.849.647	25.052.152
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ	22	4.183.214	2.417.045
Vốn của TCTD		3.590.259	2.043.043
Vốn điều lệ		3.497.519	2.000.000
Vốn đầu tư XDCB		-	-
Thặng dư vốn cổ phần		98.000	48.000
Cổ phiếu quỹ		(5.260)	(4.957)
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác		-	-
Quỹ của TCTD		169.291	102.880
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối		423.664	271.122
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.183.214	2.417.045
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		51.032.861	27.469.197

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 45 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	3.736.848	1.662.188
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(2.520.683)	(1.018.747)
Thu nhập lãi thuần		1.216.165	643.441
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		126.645	78.031
Chi phí hoạt động dịch vụ		(20.181)	(17.949)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	27	106.464	60.082
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	53.138	52.487
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29	9.527	31.939
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	56.692	43.361
Thu nhập từ hoạt động khác		52.029	14.180
Chi phí hoạt động khác		(14.945)	(2.434)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	31	37.084	11.746
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	7.090	16.936
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.486.160	859.992
Chi phí tiền lương		(279.833)	(143.449)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	13	(21.465)	(17.996)
Chi phí hoạt động khác		(378.286)	(178.688)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	33	(679.584)	(340.133)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		806.576	519.859
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(221.475)	(108.501)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng		71.632	3.832
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		656.733	415.190
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(162.404)	(96.785)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
Chi phí thuế TNDN		(162.404)	(96.785)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		494.329	318.405
Lãi trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)		2.178	1.592

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Ông Đào Văn Quý
Kế toán

Bà Ninh Thị Lan Phương
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 02 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 45 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này.